

Số: 23/2025/QĐST-HNGĐ

Quang Bình, ngày 19 tháng 3 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 30/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Phùng Thị T, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện Q, tỉnh Hà Giang; Căn cước công dân số: 002193***638, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an cấp ngày 20/3/2022.

- Bị đơn: Anh Trương Văn Đ, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện Q, tỉnh Hà Giang; Căn cước công dân số: 0020***05385, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an cấp ngày 25/9/2022.

Căn cứ vào khoản 3, khoản 4 Điều 147, khoản 1, 2 Điều 212, khoản 1 Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 6, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11/3/2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11/3/2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phùng Thị T và anh Trương Văn Đ.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị T và anh Trương Văn Đ tự nguyện thuận tình ly hôn.

b. Về con chung: Anh Trương Văn Đ là người trực tiếp nuôi hai con chung Trương Văn H, sinh ngày 07/07/2010 và Trương Thị Kim C, sinh ngày 11/7/2013. Chị Phùng Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trương Thị Kim C cho anh Trương Văn Đ với mức cấp dưỡng là 600.000 đồng/01 tháng cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ 03/2025. Phương thức cấp dưỡng theo từng tháng.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ khi quyết định này có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

c. Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

d. Về án phí: Chị Phùng Thị T chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 150.000^d (một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo định kỳ là 150.000^d (một trăm năm mươi nghìn đồng), tổng cộng 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002414 ngày 03/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Quang Bình;
- Chi cục THA dân sự huyện Quang Bình;
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh Thượng, huyện Quang Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hải Phương

